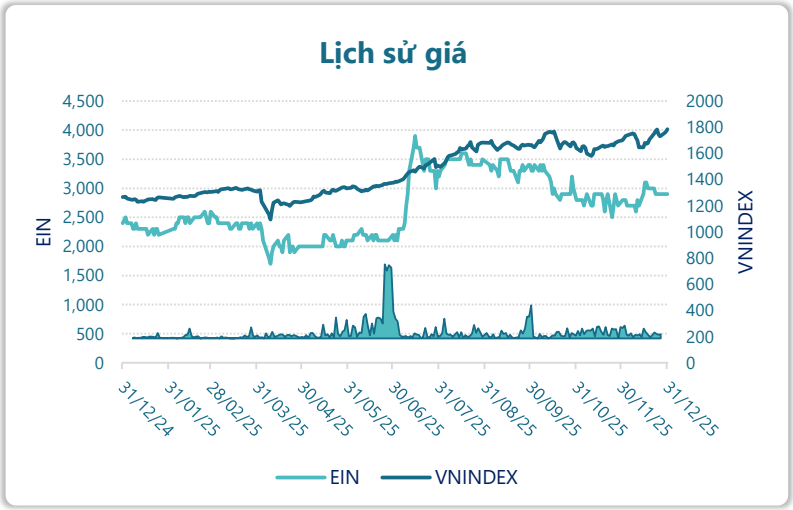
FireAnt

CTCP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực (UPCOM: EIN)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,700
SL cổ phiếu LH	45,407,161
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,605
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
P/E	-1.0
EPS	-2,991

DT thuần

Q4/25

4.31

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.47| 51.7%

YoY: ▼5.07| -54.1%

LN sau thuế

Q4/25

-57.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼55.6| -3543%

YoY: ▼41.6| -267%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-894%

+/- YoY: ▼ 825%

DT thuần

2025

7.73

tỷ VNĐ

YoY: ▼32.9| -81.0%

LN sau thuế

2025

-136

tỷ VNĐ

YoY: ▼104| -325%

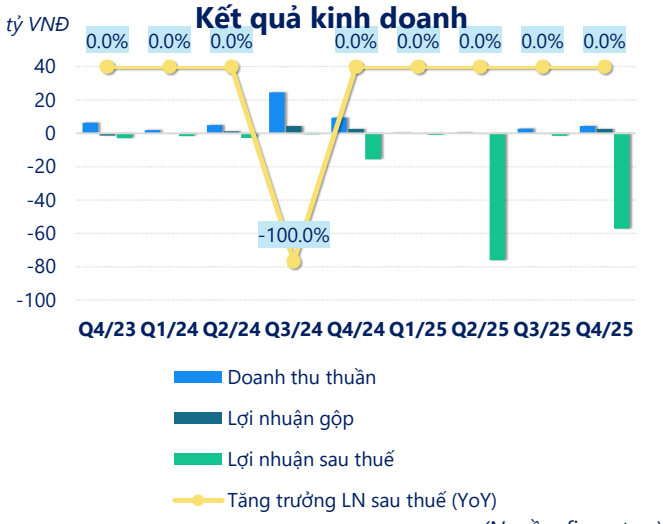
ROE

2025

-44.6%

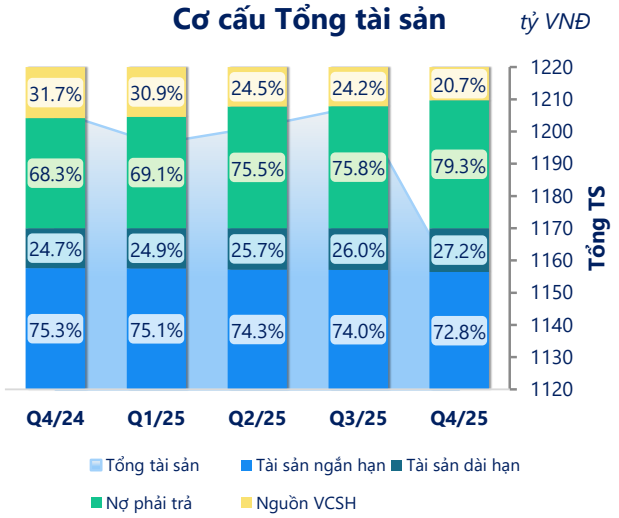
+/- YoY: ▼ 36.3%

Kết quả kinh doanh



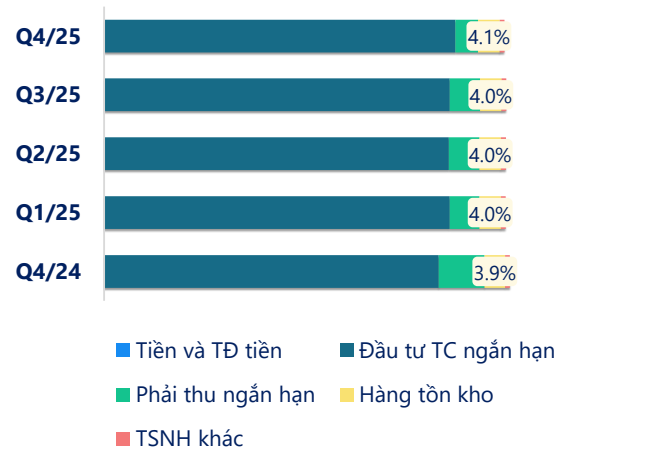
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



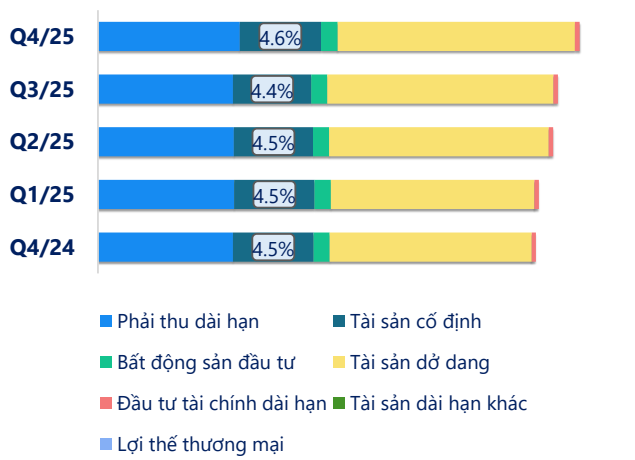
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



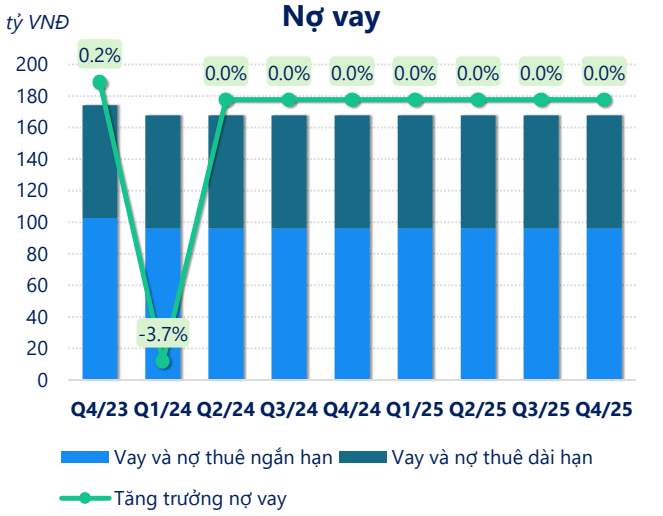
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



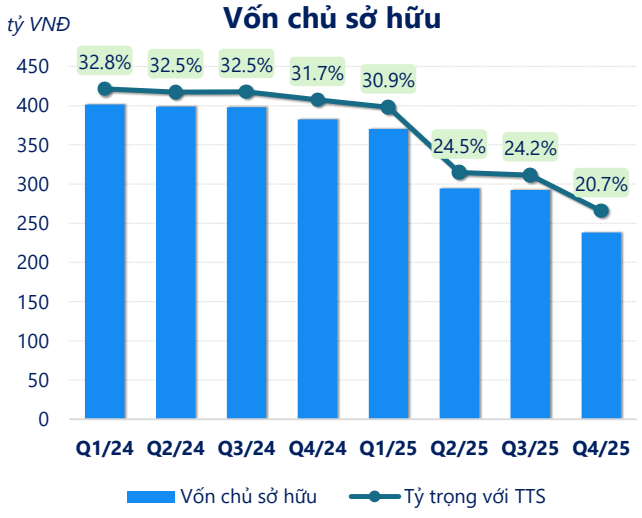
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



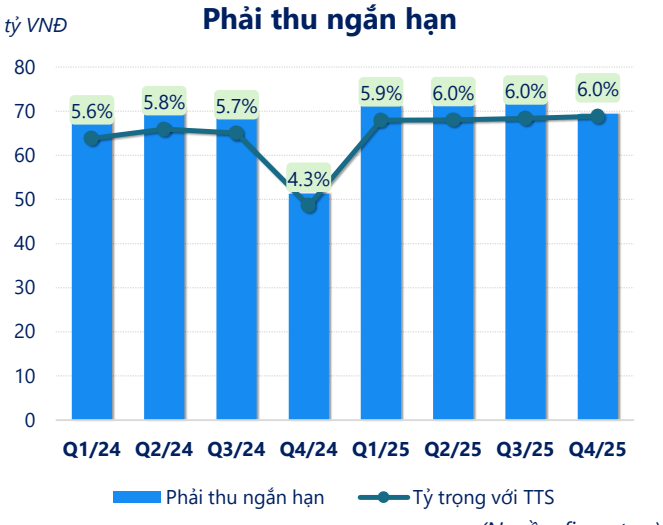
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



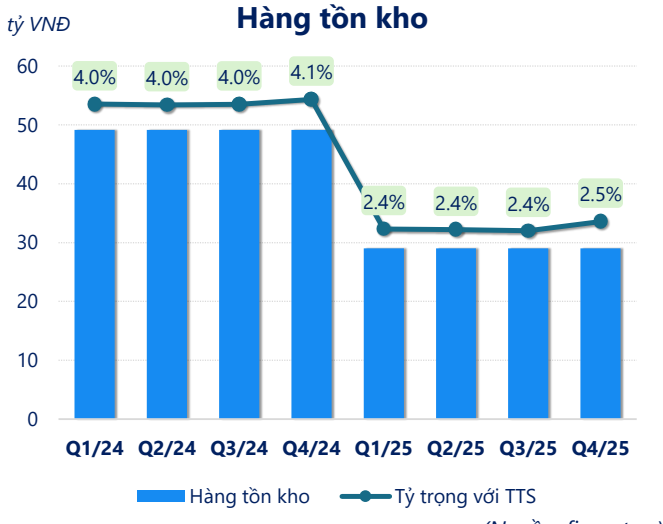
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



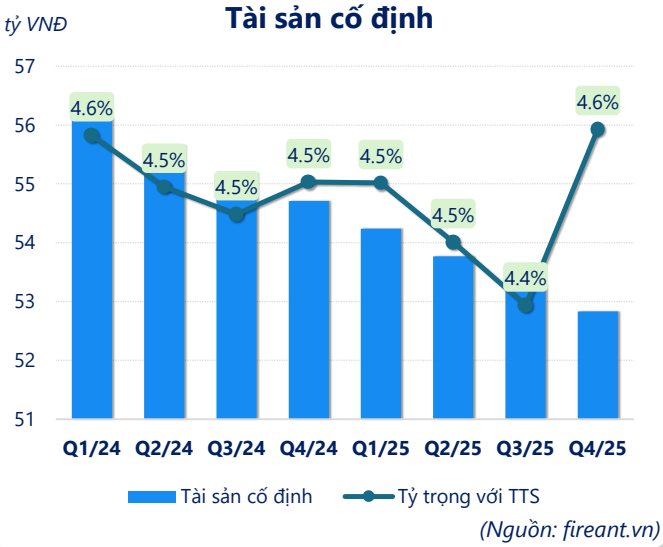
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



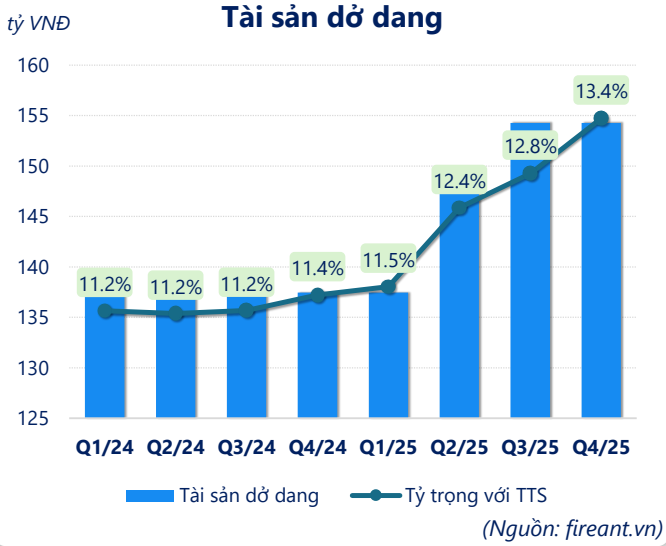
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



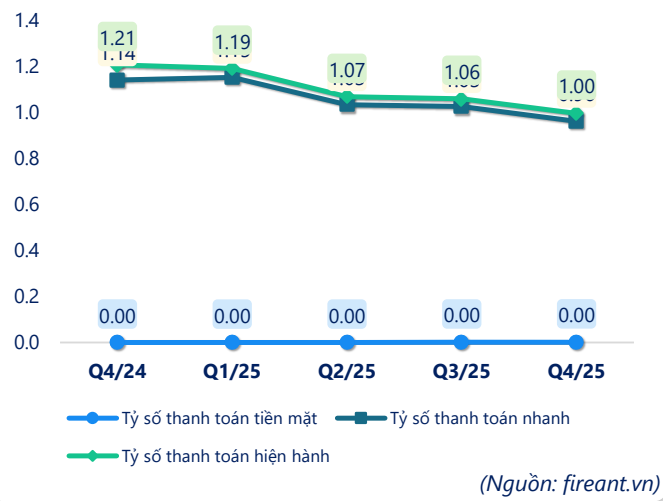
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



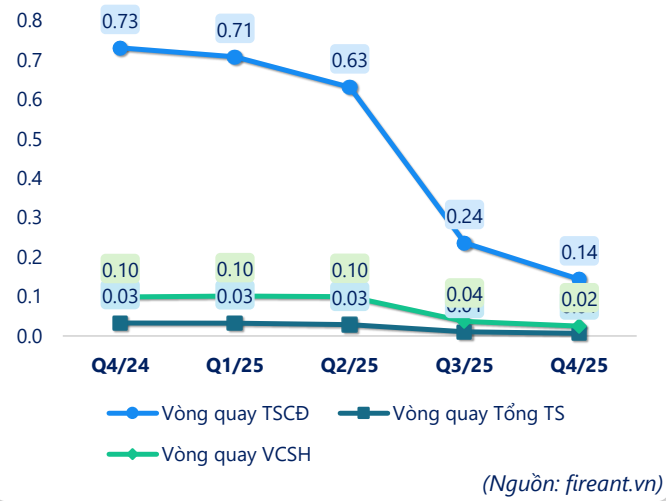
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,206**	**1,196**	**1,201**	**1,208**	**1,152**
Tài sản ngắn hạn	**908**	**899**	**893**	**894**	**839**
Tiền và tương đương tiền	0.28	0.04	0.08	0.56	0.86
Đầu tư tài chính ngắn hạn	796	787	781	781	728
Phải thu ngắn hạn	51.3	71.1	71.5	72.3	69.4
Hàng tồn kho	49.1	29.0	29.0	29.0	29.0
Tài sản ngắn hạn khác	11.1	11.0	10.8	11.0	11.0
Tài sản dài hạn	**298**	**298**	**308**	**313**	**313**
Phải thu dài hạn	92.0	92.0	92.1	92.1	92.1
Tài sản cố định	54.7	54.2	53.8	53.3	52.8
Bất động sản đầu tư	11.0	10.9	10.9	10.8	10.8
Tài sản dở dang	137	137	149	154	154
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**824**	**826**	**907**	**915**	**914**
Nợ ngắn hạn	**752**	**754**	**836**	**844**	**842**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	96.1	96.1	96.1	96.1	96.1
Phải trả người bán ngắn hạn	7.53	7.59	7.88	8.22	7.40
Nợ dài hạn	71.5	71.5	71.5	71.5	71.5
Vay và nợ thuê dài hạn	71.5	71.5	71.5	71.5	71.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**382**	**370**	**294**	**293**	**238**
Vốn chủ sở hữu	**382**	**370**	**294**	**293**	**238**
Vốn điều lệ	454	454	454	454	454
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)